

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KÝ GỬI 24H
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KÝ GỬI 24H

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 24H INVESTMENT DEPOSIT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 24H INVESTMENT DEPOSIT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107758540

3. Ngày thành lập: 13/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 34, ngõ 172 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098 341 8998

Fax:

Email: kyguihang24h@gmail.com

Website: kygui24h.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
2.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
3.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
4.	Xây dựng nhà các loại	4100
5.	Xây dựng công trình công ích	4220
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
17.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
18.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
19.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn tổng hợp	4690
22.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
25.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
26.	Sản xuất máy luyện kim	2823
27.	Bán mô tô, xe máy	4541
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
32.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
33.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
34.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
35.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
36.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
37.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.	8299
42.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
43.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
44.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659

46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
47.	Phá dỡ	4311
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
50.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
51.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
52.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
57.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ.	5221
59.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý Đại lý ký gửi hàng hóa;	4610(Chính)
62.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
63.	Dịch vụ đóng gói	8292
64.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
65.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
66.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
69.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
70.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
71.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

72.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
74.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
75.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
76.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
77.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
79.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
81.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
82.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

6. Vốn điều lệ: 1.250.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM ANH QUỐC	Số 3 ngõ 199 phố Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	61.250	612.500.000	49,000	011082000018	
			Tổng số	61.250	612.500.000	49,000		
2	VŨ THỊ THANH XUÂN	Khu 2A, Xã Xuân Huy, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	62.500	625.000.000	50,000	131465424	
			Tổng số	62.500	625.000.000	50,000		
3	NGUYỄN CHÍ SÂM	Khu 2A, Xã Xuân Huy, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250	12.500.000	1,000	131364187	
			Tổng số	1.250	12.500.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ THANH XUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 131465424

Ngày cấp: 19/07/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 2A, Xã Xuân Huy, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 34, ngõ 172 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội